



Original Article

Vietnam's animal feed market
in the context of international integration

Nguyen Duc Hai*

*Sun Investment Joint Stock Company - Hanoi Office
No. 109 Bo De Street, Long Bien District, Hanoi, Vietnam*

Received: February 6, 2023
Revised: June 12, 2023; Accepted: June 25, 2023

Abstract: In the context of international integration, Vietnam has signed a number of free trade agreements, bringing both opportunities and challenges to its domestic and animal feed market. Due to its heavy dependence on imports, Vietnam's animal feed businesses in this industry suffer from fluctuations in the international market, requiring timely transformations to make production and business more efficient. By using secondary data, the article assesses the current situation of the market and production of animal feed in Vietnam in the 2019-2022 period under the influence of free trade agreements and proposes solutions to develop the animal feed industry for sustainable development.

Keywords: Animal feed, international integration, Vietnam.

* Corresponding author

E-mail address: haind@suninvest.com.vn

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.221>

Copyright © 2023 The author(s)

Licensing: This article is published under a CC BY-NC 4.0 license.

Thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Nguyễn Đức Hải

*Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Dương – Văn phòng Hà Nội
Số 109 Phố Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 6 tháng 2 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 6 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2023

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang tham gia ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do với các quốc gia, từ đó mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với thị trường trong nước, trong đó có thị trường thức ăn chăn nuôi. Do phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu, ngành thức ăn chăn nuôi Việt Nam cũng như các doanh nghiệp ngành này chịu tác động rất lớn từ những biến động trên thị trường quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập, ngành này đòi hỏi phải có sự chuyển đổi kịp thời để sản xuất, kinh doanh hiệu quả hơn. Trên cơ sở sử dụng dữ liệu thứ cấp, bài viết đánh giá thực trạng thị trường và hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi của Việt Nam giai đoạn 2019-2022 dưới tác động của các hiệp định thương mại tự do và đề xuất các giải pháp phát triển ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi nhằm góp phần phát triển ngành bền vững.

Từ khóa: Thức ăn chăn nuôi, hội nhập quốc tế, Việt Nam.

1. Mở đầu

Thức ăn chăn nuôi (TACN) là ngành thu hút đầu tư trong và ngoài nước cao nhất trong lĩnh vực nông nghiệp, đồng thời có mức độ hội nhập quốc tế sâu rộng nhất, với trên 65 quốc gia và vùng lãnh thổ có trao đổi buôn bán về công nghệ, thiết bị và nguyên liệu TACN thuộc top mới và hiện đại nhất (Gia Linh, 2019). Trong bối cảnh Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nước trong khu vực và thế giới, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, TACN trở thành một trong những ngành hàng dễ bị “tổn thương” nhất. Mặc dù ngành TACN nước ta có một số lợi thế liên quan đến việc tiếp cận các khoa học kỹ thuật mới, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, các cam kết xóa bỏ thuế quan đối với sản phẩm, công nghệ nhập khẩu từ các nước tham gia FTA..., song thách thức đối với ngành về cơ bản là rất lớn. Theo đó, giá thành sản phẩm TACN ngày càng tăng; chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm còn kém; việc xóa bỏ thuế quan tạo cơ hội nhập khẩu nhiều loại thực

phẩm; các quy định nghiêm ngặt về kiểm dịch và an toàn động thực vật, dán nhãn hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, môi trường, lao động...; trang trại chăn nuôi quy mô vừa và lớn còn ít, tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao thấp; doanh nghiệp chưa chủ động; cơ chế chính sách còn thiếu, khó tiếp cận... Do đó, việc tăng cường năng lực sản xuất cho ngành TACN trước bối cảnh hội nhập quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường và ổn định giá sẽ góp phần tích cực vào việc phát triển bền vững ngành chăn nuôi nước ta.

2. Thực trạng thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam

2.1. Các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi

Tính đến cuối năm 2019, cả nước có 265 cơ sở sản xuất TACN công nghiệp thì đến năm 2021, con số này tăng lên 269 (trong đó 90 cơ sở là doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI và 179 doanh nghiệp trong nước), tập trung nhiều nhất ở các khu vực gồm Đồng bằng Sông

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: haind@suninvest.com.vn

<https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.221>

Bản quyền © 2023 (Các) tác giả

Bài báo này được xuất bản theo CC- BYNC 4.0 license.

Cửu Long, Đồng bằng Sông Hồng, Đông Nam Bộ. Doanh nghiệp trong nước sở hữu số lượng nhà máy nhiều hơn doanh nghiệp FDI, tuy nhiên thị phần lại khiêm tốn hơn. Tổng công suất thiết kế của các doanh nghiệp toàn ngành là 43,3 triệu tấn, trong đó doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 51%, doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 49%. Về tổng sản lượng TACN các loại năm 2022 đạt 31,92 triệu tấn, tăng 5,88% so với năm trước. Trong đó, sản lượng TACN cho lợn và gia cầm lần lượt đạt 16,39 triệu tấn và 10,22 triệu tấn, tăng 8% và 4% so với năm trước. Sản lượng thức ăn cho cá và tôm cũng đạt lần lượt 4,27 triệu tấn và 1,03 triệu tấn, cao hơn 3,5% và 2% so với năm trước (VnFeedNews, 2022).

Theo danh sách Top 10 công ty TACN uy tín năm 2022 do Vietnam Report (2022) công bố, đứng ở top 5 đều là các doanh nghiệp FDI. Sản lượng TACN công nghiệp của cả nước năm 2019 đạt 18,9 triệu tấn, đến năm 2021 đạt 21,9 triệu tấn, tăng 15,9%; trong đó doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 60%, doanh nghiệp trong nước khoảng 40% về sản lượng (VnFeedNews, 2022). Các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam thời gian qua đều là các thương hiệu toàn cầu, trong đó một số doanh nghiệp đến từ các quốc gia có nền chăn nuôi phát triển rất cao như Hà Lan, Hoa Kỳ, Hàn Quốc... Đứng đầu danh sách là Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam (Thái Lan), Công ty TNHH Cargill Việt Nam (Hoa Kỳ), Công ty TNHH CJ Vina Agri (Hàn Quốc), Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (Indonesia), Công ty TNHH De Heus (Hà Lan)... Đặc biệt, các hoạt động mua bán và sáp nhập, quan hệ hợp tác của các doanh nghiệp trong và ngoài nước được thúc đẩy mạnh mẽ. Năm 2021, một trong những thương vụ đáng chú ý trên thị trường TACN là Tập đoàn Masan bán toàn bộ mảng TACN cho Tập đoàn De Heus, theo đó De Heus sở hữu tới 22 nhà máy TACN tại các tỉnh thành trọng yếu của Việt Nam.

Nhìn chung, với lợi thế về vốn, công nghệ, giá thành sản xuất và độ mở nền kinh tế, làn sóng doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam ngày càng mạnh, nắm thị phần lớn sản lượng TACN, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng xuất khẩu, nâng cao giá trị sản phẩm, từ đó tăng nguồn thu cho các doanh nghiệp và ngân sách nhà nước. Ở chiều ngược lại, điều này cũng gây ra áp lực cho thị trường TACN và công tác quản lý, điều tiết của các cơ quan quản lý nhà nước. Trước tình trạng công nghệ sản xuất lạc

hậu, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu, nhiều doanh nghiệp nội địa phải giải thể, thậm chí rơi vào phá sản. Bên cạnh đó, công tác quản lý doanh nghiệp FDI khó khăn hơn so với doanh nghiệp nội địa do các hiện tượng như chuyển giá, báo lỗ để trốn thuế, bỏ trốn khi kinh doanh thua lỗ... Ngoài ra, thị trường xuất hiện hiện tượng liên kết định giá lỏng lẻo khi doanh nghiệp nhỏ định giá theo doanh nghiệp lớn, sự cạnh tranh không lành mạnh khi sử dụng hệ thống phân phối đại lý độc quyền và chiết khấu lớn, từ đó doanh nghiệp sản xuất định giá bán TACN cao hơn mức giá cạnh tranh, gây thiệt hại cho người chăn nuôi (Ngoc, 2023). Do đó, đòi hỏi Nhà nước phải có chính sách, công cụ kiểm soát chặt chẽ nhằm lành mạnh hóa thị trường TACN.

2.2. Nhu cầu tiêu thụ một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Các FTA có thể tạo ra một thị trường mở rộng và tăng cường thương mại giữa các quốc gia thành viên, dẫn đến tăng cường nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu TACN để đáp ứng nhu cầu sản xuất chăn nuôi gia tăng trong các quốc gia thành viên FTA. FTA có thể làm thay đổi cấu trúc sản xuất của ngành chăn nuôi trong các quốc gia thành viên. Việc giảm thuế nhập khẩu hoặc loại bỏ rào cản thương mại giữa các quốc gia tham gia FTA có thể làm giảm chi phí sản xuất cũng như tăng cường sự cạnh tranh trong ngành chăn nuôi, từ đó làm thay đổi cách thức sản xuất nguyên liệu TACN và tăng cường nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu TACN từ các quốc gia khác.

Theo Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2022), tổng nhu cầu thức ăn tinh toàn ngành chăn nuôi đạt khoảng 33 triệu tấn/năm, chủ yếu dùng trong chăn nuôi heo và gia cầm. Để đáp ứng nhu cầu đó, Việt Nam cần lượng lớn nguyên liệu thức ăn tinh. Tuy nhiên, thị trường nội địa chỉ cung cấp được khoảng 13 triệu tấn/năm (khoảng 35% tổng nhu cầu), còn lại là nguồn nhập khẩu (khoảng 65%). Trong đó, ngô được coi là loại nguyên liệu được sử dụng nhiều nhất cho TACN của Việt Nam, năm 2022 đạt 10,9 triệu tấn, chiếm 34,2% tỷ trọng, giảm 1,5 điểm % so với năm 2021. Nguyên nhân do trong năm 2022, giá ngô và bã ngô giao dịch tại thị trường Việt Nam ở mức rất cao, khiến các nhà máy sản xuất TACN phải chuyển đổi sang sử dụng gia tăng các nguyên liệu thay thế khác như cám gạo, gạo TACN, tấm. Đặc biệt, giai đoạn cuối tháng 02/2022 – tháng 04/2022, giá

ngô Nam Mỹ giao dịch tại cảng Việt Nam thường dao động ở mức rất cao, lên tới hơn 9.000-10.000 đồng/kg. Khô đậu tương là loại nguyên liệu được sử dụng nhiều thứ hai cho TACN. Năm 2022, tổng lượng nguyên liệu này đạt hơn 5,6 triệu tấn, chiếm 17,6% tỷ trọng tương đương so với năm 2021, bao gồm 3,95 triệu tấn sử dụng cho thức ăn heo và gia cầm, hơn 1,66 triệu tấn dùng cho thức ăn thủy sản. Ngoài ra, cám nội địa (cám gạo) cũng được sử dụng nhiều trong ngành chăn nuôi. Năm 2022, nhu cầu sử dụng đạt hơn 4,3 triệu tấn, chiếm 13,5% tỷ trọng,

bao gồm gần 2,8 triệu tấn dùng cho thức ăn heo, đại gia súc, gia cầm và hơn 1,5 triệu tấn dùng cho thức ăn thủy sản. Ngoài ba loại nguyên liệu trên, còn rất nhiều loại nguyên liệu khác được dùng làm TACN như DDGS (bã rượu khô), Gluten Feed, lúa mì, cám mì, mì lát, khô cọ, khô dừa, khô cải, hạt đậu tương, bột xương thịt... Theo VnFeedNews (2022), tổng nhu cầu sử dụng cho chăn nuôi của nhóm này năm 2022 đạt hơn 11 triệu tấn, chiếm 34,7% tỷ trọng, tăng 1,7 điểm % so với năm 2021.

Bảng 1: Nhu cầu tiêu thụ ngô, khô đậu tương và cám gạo nội địa cho TACN của Việt Nam năm 2022 (triệu tấn)

Nhu cầu tiêu thụ cho TACN	Năm 2022 (triệu tấn)	Tỷ trọng năm 2022 (%)	Tỷ trọng năm 2021 (%)
Ngô	10,92	34,2	35,7
Khô đậu tương	5,62	17,6	17,6
Cám gạo nội địa	4,30	13,5	13,6
Các loại nguyên liệu khác	11,07	34,7	33,0
Tổng nhu cầu tiêu thụ TACN (Gồm cả TACN công nghiệp và thức ăn tự trộn)	31,92	100,0	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ VnFeedNews (2022).

Cũng theo Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2022), trong giai đoạn 2015-2020, giá nguyên liệu TACN trong nước tương đối ổn định, thậm chí có thời điểm giảm dần. Tuy nhiên, từ tháng 10/2020 đến nay, giá các nguyên liệu bắt đầu tăng liên tục, đặc biệt là giá ngô và khô đậu tương. Tháng 3/2022 là thời điểm giá nguyên liệu TACN tăng cao nhất. Giá ngô và bã ngô tăng 80-95% so với năm 2019; khô đậu tương tăng khoảng 71%, thức ăn bổ sung tăng 46-50%; giá TACN thành phẩm tăng 33-40%. Trong đó, tăng mạnh nhất là các nguyên liệu thuộc nhóm ngũ cốc, cụ thể: ngô hạt 8,867 nghìn đồng/kg (tăng 14,5%), khô đậu tương 14,513 nghìn đồng/kg (tăng 14,2%), lysine 40,480 nghìn đồng/kg (tăng 15,7%)... So với năm 2021, giá bình quân các nguyên liệu TACN đều tăng từ 7-27%, trong đó tăng mạnh nhất là các nguyên liệu thuộc nhóm ngũ cốc, từ đó dẫn đến giá TACN thành phẩm trung bình 11 tháng năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm 2021.

2.3. Nhập khẩu nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan (2022), Việt Nam nhập khẩu trung bình 20-22 triệu tấn nguyên liệu TACN mỗi năm, tương đương 60%

nhu cầu toàn ngành. Cụ thể, năm 2022, nước ta nhập khẩu 10,32 triệu tấn nguyên liệu và TACN, trị giá 5,6 tỷ USD, giảm 1,1% về lượng nhưng tăng 13,6% về trị giá so với năm 2021. Năm 2023 dự kiến nhập khẩu nguyên liệu và TACN tăng nhẹ so với năm trước, đạt khoảng 10,5 triệu tấn, trị giá 5,55 tỷ USD. Năm 2022, có 916 doanh nghiệp tham gia nhập khẩu mặt hàng nguyên liệu TACN, giảm 17 doanh nghiệp so với năm 2021. Trong đó, doanh nghiệp nhập khẩu đạt kim ngạch cao nhất là C.P. Việt Nam, với 409 triệu USD; tiếp đến là Công ty Cổ phần Khai Anh – Bình Thuận đạt 344,9 triệu USD; Cargill Việt Nam với 292 triệu USD...

Về chủng loại, năm 2022, nước ta nhập khẩu 39 chủng loại TACN và nguyên liệu, giảm 2 chủng loại so với năm 2021. Lượng nhập khẩu một số chủng loại chính tăng mạnh so với năm 2021, bao gồm: bột thịt xương, bột gia cầm, bột huyết tương, bột tôm, cám ngô, khô dầu dừa... Tuy nhiên, một số chủng loại khác lại giảm, bao gồm: khô đậu tương, khô dầu cọ, bột cá, cám gạo, cám mì... Giá nhập khẩu trung bình nhiều mặt hàng nguyên liệu và TACN năm 2022 đa phần tăng so với năm 2021.

Về quốc gia nhập khẩu, năm 2022, Việt Nam nhập khẩu TACN và nguyên liệu từ 98 quốc gia,

tăng 11 quốc gia so với năm 2021. Việt Nam nhập khẩu TACN và nguyên liệu nhiều nhất từ Argentina, đạt 3,01 triệu tấn, trị giá 1,67 tỷ USD, giảm 8,2% so với năm 2021, chiếm 29,2% về lượng và tỷ trọng 30,4% tổng nhập khẩu toàn bộ nhóm hàng. Các mặt hàng nhập khẩu chính từ quốc gia này gồm khô đậu tương, dinh dưỡng gia súc, bột thịt xương, bột lông vũ... Năm 2023, nhập khẩu TACN và nguyên liệu từ quốc gia này dự báo đạt 3,2 triệu tấn, trị giá 1,6 tỷ USD. Tiếp đó, Brazil là quốc gia cung cấp TACN và nguyên liệu lớn thứ hai, với lượng và trị giá tăng mạnh, đạt 1,77 triệu tấn, trị giá 1,03 tỷ USD, tăng 41,4% về lượng và tăng 56,9% về trị giá so với năm 2021. Nhập khẩu từ Brazil chiếm 17,2% về lượng và 18,7% về trị giá trong nhập khẩu TACN và nguyên liệu của Việt Nam, với các mặt

hàng chính gồm khô đậu tương, bột gia cầm, bột lông vũ... (Chu Khôi, 2023).

Nhìn chung, hiện nay Việt Nam phụ thuộc khá lớn vào nguồn TACN và nguyên liệu từ các quốc gia khác, hàng năm tiêu tốn khoảng 5 tỷ USD. Hiện trạng này dẫn đến chi phí sản xuất sản phẩm chăn nuôi tăng, phụ thuộc vào sự biến động giá thế giới. Dự kiến trong quý III năm 2023 tình trạng giá TACN “neo cao” vẫn tiếp tục khi xung đột Nga - Ukraine vẫn căng thẳng và nền kinh tế châu Âu gặp khó khăn. Về lâu dài, để giảm sự phụ thuộc vào nguồn TACN và nguyên liệu nhập khẩu, Việt Nam cần đưa ra chính sách khuyến khích các doanh nghiệp chế biến phụ phẩm nông nghiệp thành TACN để chủ động nguồn cung cho ngành chăn nuôi.

Bảng 2: Nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu năm 2022

Thị trường	Tháng 12/2022	So với tháng 11/2022(%)	So với tháng 12/2021(%)	Cả năm 2022	So với năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng kim ngạch NK	584.700.216	14,86	35,8	5.599.140.119	13,57	100
Argentina	176.344.032	15,31	83,02	1.669.514.996	0,95	29,82
Brazil	49.563.918	-42,62	-60,11	1.060.561.611	60,77	18,94
Mỹ	128.685.698	104,25	99,84	772.875.683	-5,57	13,8
EU	41.750.993	-33,92	49,12	500.999.251	25,81	8,95
Hungary	31.682.669	-1,29	46,24	386.412.690	30,2	6,9
Ấn Độ	86.648.894	81,4	282,07	377.919.344	40,43	6,75
Đông Nam A	32.335.321	15,95	5,42	366.938.116	1,3	6,55
Trung Quốc (Đại lục)	21.751.335	-1,8	-6,1	257.309.120	10,4	4,6
Indonesia	13.808.271	9,76	-0,31	151.840.532	12,86	2,71
Thái Lan	12.409.232	40,12	88,65	137.500.027	25,96	2,46
Hàn Quốc	5.707.685	-3,25	28,2	68.458.539	11,37	1,22
Australia	5.360.351	96,67	61,12	64.055.814	32,45	1,14
Đài Loan (TQ)	2.496.514	-29,53	26,67	54.886.851	-32,07	0,98
Pháp	4.130.869	-84,38	180,47	52.831.657	75,06	0,94
U.A.E	5.387.245	-4,14	37,27	40.807.207	103,33	0,73
Malaysia	2.140.478	-5,93	-48,56	33.779.867	-51,14	0,6
Singapore	2.911.565	-5,35	3,15	24.520.972	-6,29	0,44
Canada	3.713.126	90,57	618,65	23.772.209	124,09	0,42
Hà Lan	1.380.621	69,12	-29,85	20.682.002	-10,96	0,37
Philippines	1.065.775	-3,01	-67,31	19.296.718	-16,93	0,34
Bỉ	1.175.914	21,41	-9,33	11.679.330	1,46	0,21

Nguồn: Tổng cục Hải quan, số liệu công bố ngày 12/4/2022.

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng tham gia nhiều FTA và hội nhập quốc tế sâu rộng, ngành nông nghiệp nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt ngành TACN sẽ bị ảnh hưởng mạnh nhất do quy mô nhỏ lẻ, giá thành cao, chưa đạt yêu cầu an toàn thực phẩm... Các FTA có thể ảnh hưởng đến giá và kim ngạch

nhập khẩu của nguyên liệu TACN như khô đậu tương, ngô... như sau:

Về giá: Khi các FTA được ký kết giữa các quốc gia, các thuế quan và rào cản phi tài chính có thể giảm hoặc bị loại bỏ. Điều này có thể dẫn đến giảm giá các nguyên liệu TACN từ các quốc gia xuất khẩu, bởi vì chi phí sản xuất và vận

chuyển của các sản phẩm này sẽ giảm. Chẳng hạn, mặt hàng khô đậu tương mã HS 230400 và ngô mã HS 100590 nếu nhập khẩu từ Brazil, Argentina thì chịu mức thuế nhập khẩu là 5% đối với ngô và 2% đối với khô đậu tương, tuy nhiên nhập khẩu từ Ấn Độ thì được mức thuế 0% do Ấn Độ có ký Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AIFTA) với các nước ASEAN. Tương tự, nhập khẩu ngô từ Thái Lan cũng nằm trong ASEAN nên được hưởng mức thuế là 0%.

Về kim ngạch nhập khẩu: Các FTA có thể dẫn đến tăng kim ngạch nhập khẩu của các nguyên liệu TACN từ các quốc gia ký kết thỏa thuận. Các doanh nghiệp có thể nhập khẩu các nguyên liệu TACN từ các quốc gia có giá thành thấp hơn và bán với giá cạnh tranh hơn. Chẳng hạn, mặt hàng nguyên liệu TACN nhập khẩu năm 2022 từ Ấn Độ tăng 40% so với năm 2021. Các sản phẩm nhập khẩu từ Thái Lan cũng tăng hơn 25% so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh giá TACN và nguyên liệu nhập khẩu tăng cao, ngày 21/10/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành văn bản số 7047/BNN-CN gửi Bộ Tài chính kiến nghị tiếp tục xem xét, đề xuất Chính phủ giảm thuế nhập khẩu khô đậu tương từ 2% xuống 0%; thuế nhập khẩu ngô giảm từ 5% xuống 2%; thuế nhập khẩu lúa mỳ giảm từ 3% xuống 0%; ưu đãi

thuế cho các doanh nghiệp sản xuất ở vùng kinh tế xã hội - khó khăn...

2.4. Hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi ở Việt Nam

Mặc dù là ngành kinh tế quan trọng nhưng ngành sản xuất TACN nước ta vẫn chưa chủ động được nguồn nguyên liệu khiến cho các doanh nghiệp dễ bị ảnh hưởng, từ đó kéo theo những biến động của thị trường. Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm với mức giá thành cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt trong bối cảnh các FTA giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực. Cùng với đó, ngành chăn nuôi có xu hướng dịch chuyển khỏi vùng trung tâm đô thị, vùng ven đồng bằng có mật độ dân số và vật nuôi cao sang các vùng có không gian chăn nuôi rộng lớn. Do đó, đòi hỏi phải có sự thay đổi về hệ thống sản xuất và cung ứng TACN để phù hợp với yêu cầu mới. Hoạt động sản xuất, phân phối và quản lý TACN cũng chịu tác động trực tiếp từ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số. Ngoài ra, chính sách tái cơ cấu ngành chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang hình thức chăn nuôi theo chuỗi liên kết đòi hỏi toàn ngành phải thay đổi theo hướng chuyên môn hóa để đáp ứng kịp thời xu hướng này.

Bảng 3: Sản lượng TACN của Việt Nam năm 2022 (triệu tấn)

Tiêu chí	Heo	Gia cầm	Thủy sản		Tổng
			Cá	Tôm	
Tổng sản lượng TACN năm 2022 (triệu tấn)	16,39	10,22	4,27	1,03	31,92
TACN công nghiệp (triệu tấn)	12,61	7,20	3,56	0,90	24,26
TACN tự trộn (triệu tấn)	3,78	3,02	0,71	0,13	7,65
Thay đổi so với năm trước (%)	8,00	4,00	3,50	2,00	5,88

Nguồn: Tổng hợp từ VnFeedNews (2022).

Số liệu của VnFeedNews (2022) cho thấy, tổng sản lượng TACN các loại (bao gồm cả sản xuất công nghiệp và tự trộn) của Việt Nam năm 2022 đạt 31,92 triệu tấn, tăng 5,88% so với năm trước. Trong đó sản lượng TACN cho heo và gia cầm đạt lần lượt 16,39 triệu tấn và 10,22 triệu tấn, tăng 8% và 4% so với năm trước. Trong năm 2022, tình hình dịch COVID-19 dần được kiểm soát đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của các nhà máy TACN được hồi phục.

Tuy nhiên, trong năm 2022, giá nguyên liệu TACN tăng cao, đặc biệt đối với các nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn là ngô, khô đậu tương, cám gạo..., khiến giá thành chăn nuôi cũng bị đẩy lên, từ đó còn gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất chăn nuôi. Năm 2022, bình quân giá các loại nguyên liệu TACN đều tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó mạnh nhất là các nguyên liệu thuộc nhóm ngũ cốc, cụ thể: ngô hạt 8,867 nghìn đồng/kg (tăng 14,5%), khô đậu tương 14,513 nghìn đồng/kg (tăng 14,2%),

DDGS 9,850 nghìn đồng/kg (tăng 16,8%), cám gạo chiết ly 6,508 (tăng 20,5%), Lysine 40,480 nghìn đồng/kg (tăng 15,7%), Methionine 68,645 nghìn đồng/kg (tăng 7,2%). Tóm lại, giá bình quân các nguyên liệu TACN đều tăng so với năm 2021, từ 7-27%.

Có thể thấy giá thức ăn thành phẩm tăng do giá nguyên liệu nhập khẩu tăng. Về nguyên nhân, có thể kể tới bối cảnh dịch bệnh COVID-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng (sản lượng giảm, cước vận chuyển tăng tới 300%); chiến tranh Nga – Ukraina; một số quỹ đầu tư lớn trên thế giới chuyển sang đầu cơ nguyên liệu; Trung Quốc tăng mua nguyên liệu để khôi phục chăn nuôi trong nước; Hoa Kỳ tăng sản xuất xăng sinh học từ ngũ cốc; tình trạng hạn hán ở các nước xuất khẩu nông sản; lệnh hạn chế, cấm sản xuất nông sản tại một số nước trước nguy cơ mất an ninh lương thực toàn cầu; lạm phát toàn cầu làm tăng giá đồng tiền ngoại tệ...

Các FTA có thể đưa ra các quy định và tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm. Các nhà sản xuất nguyên liệu TACN phải tuân thủ các quy định này nếu muốn tiếp cận thị trường của các quốc gia thành viên FTA. Điều này có thể tạo sức ép để cải thiện chất lượng nguyên liệu TACN được sản xuất và nhập khẩu. Ngoài ra, khi các quốc gia mở rộng thị trường của họ, việc sản xuất nguyên liệu TACN có thể tăng lên để đáp ứng nhu cầu của thị trường mở rộng. Tuy nhiên, điều này có thể gây ra tác động tiêu cực đến động vật và môi trường nếu sản xuất nguyên liệu TACN không được quản lý và kiểm soát tốt.

Nhìn chung, các FTA có thể ảnh hưởng lớn đến chủng loại và lượng nhập khẩu nguyên liệu TACN theo nhiều cách khác nhau, bao gồm giảm thuế nhập khẩu, thay đổi cấu trúc sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm, tác động đến môi trường...

3. Đánh giá thực trạng sản xuất thức ăn nuôi của Việt Nam

3.1. Thành công

3.1.1. Tăng sản lượng

Khi tham gia các FTA, thị trường tiêu thụ của Việt Nam được mở rộng và giảm các rào cản thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và xuất khẩu TACN của Việt Nam. Do đó, thành

công sản xuất TACN có thể được đánh giá thông qua tăng doanh số và giá trị xuất khẩu của ngành này. Các FTA cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất TACN ở Việt Nam. Thành công của sản xuất TACN cũng có thể được đánh giá thông qua khả năng thu hút đầu tư mới và mở rộng quy mô sản xuất.

Trong thời gian qua, ngành TACN vẫn giữ vững mức độ tăng trưởng về số lượng và công suất thiết kế của cơ sở sản xuất. Theo số liệu của Cục Chăn nuôi (2022), trong năm 2011, cả nước có 233 cơ sở sản xuất TACN với tổng công suất thiết kế đạt 16,1 triệu tấn; đến năm 2021 có 269 cơ sở sản xuất TACN với tổng công suất thiết kế đạt 40,5 triệu tấn. Mặc dù giai đoạn 2011-2021, số lượng cơ sở sản xuất chỉ tăng 13,1% (tương đương 1,48%/năm), nhưng công suất thiết kế tăng 151,6% (tương đương 16,8%/năm). Năm 2011, công suất thiết kế trung bình của một cơ sở là 69,1 nghìn tấn/năm, đến năm 2021 là 154,0 nghìn tấn/năm (tăng 2,2 lần) (Ngan, 2021). Các cơ sở sản xuất chăn nuôi quy mô nhỏ đang dần được thay thế bởi các cơ sở sản xuất chăn nuôi quy mô vừa và lớn.

3.1.2. Nâng cao công nghệ, chất lượng sản phẩm

Việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của các quốc gia đối tác thương mại thông qua các FTA giúp nâng cao công nghệ, chất lượng sản phẩm của Việt Nam cũng như tạo niềm tin và uy tín với các thị trường quốc tế. Thành công của hoạt động sản xuất TACN cũng phụ thuộc vào khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao và đáp ứng được các yêu cầu của thị trường quốc tế. Các FTA cũng mang lại nhiều cơ hội cạnh tranh mới cho các doanh nghiệp sản xuất TACN ở Việt Nam, tạo điều kiện cho họ nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận các thị trường mới. Thành công của sản xuất TACN có thể được đánh giá thông qua khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước.

Theo ATLAS, hiện nay tổng tiêu chí đánh giá về công nghệ của ngành chế biến TACN Việt Nam đạt mức khá cao, với 876/1000 điểm (Hà Ngân, 2021). Điều này cho thấy trình độ công nghệ của ngành sản xuất TACN nước ta ở mức khá cao so với các quốc gia khác. Đồng thời, các doanh nghiệp nội địa ngày càng phát triển, mở rộng quy mô, đầu tư công nghệ hiện đại, áp dụng quản trị tiên tiến ngang tầm với các doanh nghiệp

FDI, điển hình như DABACO, Masan, GreenFeed, Lái Thiêu, Vina, Hòa Phát...

Cùng với việc sử dụng dây chuyền sản xuất đồng bộ có tính tự động cao, các cơ sở sản xuất đã chú trọng hơn vào việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng hoạt động sản xuất - kinh doanh. Trước đây, số lượng cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng chỉ chiếm khoảng trên 30% thì hiện nay tỷ lệ này tăng cao, có tới hơn 80% cơ sở sản xuất có áp dụng ít nhất một hệ thống quản lý chất lượng như ISO, HACCP, GMP hoặc tương đương, trong đó nhóm cơ sở nước ngoài đạt 100%.

3.2. Tồn tại

3.2.1 Nguồn nguyên liệu

Khi tham gia các FTA, với việc giảm thuế và tạo điều kiện cho nhập khẩu TACN từ các quốc gia đối tác thương mại, Việt Nam có xu hướng nhập khẩu nhiều hơn so với sản xuất trong nước. Việc phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu TACN có thể gây ra rủi ro về an ninh lương thực và tăng chi phí sản xuất. Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với sự thiếu hụt nguồn nguyên liệu trong nước để sản xuất TACN, đặc biệt là nguồn nguyên liệu thức ăn từ đậu nành và ngô. Việc phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu từ các nước đối tác thương mại sẽ tăng chi phí sản xuất và làm giảm lợi nhuận của ngành chăn nuôi.

Hiện nay, có tới 65% nguyên liệu thức ăn truyền thống cho sản xuất TACN công nghiệp được nhập khẩu vào Việt Nam. Cụ thể: ngô hạt 5,0-7,0 triệu tấn/năm; khô dầu đậu tương và khô dầu hạt cải khoảng 4,0-5,0 triệu tấn/năm; DDGS nhập khẩu khoảng 0,5-1,0 triệu tấn/năm; thức ăn bổ sung các loại 650 nghìn tấn/năm (Quynh, 2022). Trong khi đó, nhiều nguyên liệu trong nước chưa được khai thác hiệu quả (ví dụ như các loại khoáng chất, cây dược liệu, rong tảo biển, phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp). Ngoài ra, quản trị nguồn nguyên liệu TACN chưa đạt tối ưu, gây lãng phí nguyên liệu và ô nhiễm môi trường. Mỗi năm Việt Nam cần hơn 33 triệu tấn TACN, tuy nhiên thị trường nội địa chỉ cung cấp được khoảng 13 triệu tấn (40%), còn lại phụ thuộc nhập khẩu. Diện tích trồng ngô làm nguyên liệu sản xuất chỉ đạt khoảng 942.00 ha và có xu hướng giảm dần, khó cạnh tranh với các quốc gia như Hoa Kỳ, Brazil, Irsel... vốn có năng suất gấp 2-4 lần so với Việt Nam.

3.2.2 Công nghệ sản xuất

Khi tham gia các FTA, Việt Nam đối mặt với việc thiếu hụt công nghệ hiện đại để sản xuất TACN. Điều này có thể khiến sản lượng TACN của Việt Nam không đáp ứng được nhu cầu thị trường và không cạnh tranh được với các nước có công nghệ sản xuất TACN tiên tiến hơn. Việc áp dụng công nghệ mới và hiện đại trong sản xuất TACN đòi hỏi các nhà sản xuất phải đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng, thiết bị, máy móc và đào tạo nhân lực. Tuy nhiên, việc đầu tư này đòi hỏi chi phí rất lớn và có thể không phù hợp với các nhà sản xuất TACN nhỏ và vừa. Ngoài ra, công nghệ sản xuất và quản lý TACN còn thiếu sự đồng bộ, tự động hóa chưa cao, đặc biệt ở các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ; chi phí đầu vào của sản xuất TACN cao; hiệu quả đầu tư thấp, nhiều cơ sở chỉ khai thác được từ 40-50% công suất thiết kế.

3.2.3 Quy hoạch

Việc phân bố các cơ sở sản xuất TACN công nghiệp không đồng đều, tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng (các tỉnh như Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hà Nội, Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Dương...), Đồng bằng Sông Cửu Long (Tiền Giang, Long An...). Ngoài ra, việc hầu hết TACN trong nước được phân phối qua hệ thống đại lý trung gian, việc quản trị và sản xuất theo chuỗi giá trị chưa phát triển dẫn đến giá thành thức ăn còn cao. Cùng với đó, năng lực quản lý nhà nước về TACN còn nhiều bất cập, hiệu quả và hiệu lực chưa cao, thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất giữa các bộ ngành và địa phương gây phát sinh khó khăn cho doanh nghiệp và công tác quản lý.

4. Đề xuất các giải pháp phát triển ngành thức ăn chăn nuôi Việt Nam

4.1. Đề xuất giải pháp cho Chính phủ

- Tiếp tục định hướng gia tăng sản lượng nội địa để giảm bớt phụ thuộc nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu; rà soát, điều chỉnh mạng lưới các cơ sở sản xuất TACN phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ nội địa và khả năng xuất khẩu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cảng biển, kho bãi chuyên dùng phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu và TACN; khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại TACN hữu cơ; chế biến phụ

phẩm nông nghiệp thành TACN... nhằm đa dạng hóa nguồn TACN, dần thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Đa dạng hóa các nguồn cung cấp và các loại nguyên liệu thay thế nhằm giúp các doanh nghiệp nội địa bù đắp chi phí nhập khẩu gia tăng.

4.2. Đề xuất giải pháp cho các doanh nghiệp

- Để giảm phụ thuộc việc nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, các doanh nghiệp sản xuất TACN cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, xây dựng công thức khẩu phần TACN có nguyên liệu trong nước để giảm giá thành sản phẩm và tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Kinh tế tuần hoàn đang là xu hướng tất yếu của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam, nhất là khi đại dịch COVID-19 lan rộng đã định hình rõ hơn xu hướng đầu tư và phát triển bền vững. Việc tích hợp các dữ liệu sản xuất đó từ động vật, trang trại, lò giết mổ và ngành công nghiệp chế biến thịt sẽ cung cấp một cách tiếp cận tổng thể mới của chuỗi sản xuất, từ đó cho phép điều chỉnh nhiều hơn, điều chỉnh chính xác hơn khẩu phần ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của động vật, thiết lập kế hoạch cho ăn không chỉ dựa trên mục tiêu sản xuất mà còn giải quyết các khía cạnh vệ sinh, chất lượng sản phẩm, sức khỏe và tính bền vững.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, nhằm nghiên cứu, tạo ra các sản phẩm công nghệ cao (như các loại giống vật nuôi mới; quy trình sản xuất...) ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và làm nòng cốt trong việc tổ chức sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường hợp tác với các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước trong nghiên cứu thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất chăn nuôi.

Tài liệu tham khảo

- Department of Livestock Production - Ministry of Agriculture and Rural Development. (2022). Homepage. *Department of Livestock Production*. <http://cucchannuoi.gov.vn/>
- Khoi, C. (2023). Imports of raw materials and animal feed continue to increase in 2023. *VnEconomy*. <https://vneconomy.vn/nhap-khau-nguyen-lieu-va-thuc-an-chan-nuoi-tiep-tuc-tang-trong-nam-2023.htm>
- Linh, G. (2019). Enhancing capacity for the animal feed production industry. *The numbers & The events*. <https://consosukien.vn/tang-cuong-nang-luc-cho-nganh-san-xuat-thuc-an-chan-nuoi.htm>
- Ngan, H. (2021). Animal feed industry: Integration for development. *The Livestock House*. <https://nhachannuoi.vn/nganh-thuc-an-chan-nuoi-hoi-nhap-de-phat-trien/>
- Ngoc, A. (2023). Foreign-invested enterprises entering animal feed production: More worries than joy. *The Urban Economy*. <https://kinhtedothi.vn/doanh-nghiep-fdi-do-bo-san-xuat-thuc-an-chan-nuoi-mung-it-lo-nhieu.html>
- Quynh, N. (2022). Developing the animal feed production industry: Fundamental solutions needed. *New Hanoi*. <http://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/nong-nghiep/1031391/phat-trien-cong-nghiep-san-xuat-thuc-an-chan-nuoi-can-giai-phap-can-co>
- Vietnam Customs. (2022). Homepage. *Vietnam Customs*. <https://www.customs.gov.vn/>
- Vietnam Livestock Magazine. (2021). The livestock industry in economic integration (Part 2): Sharp challenges and pressures; opportunities remain uncertain if... *The Livestock House*. <https://nhachannuoi.vn/nganh-chan-nuoi-voi-hoi-nhap-kinh-te-p2/>
- Vietnam Report. (2022). Top 10 reputable animal feed companies in 2022. *Vietnam Report*. <https://vietnamreport.net.vn/Top-10-Cong-ty-Thuc-an-chan-nuoi-uy-tin-nam-2022-10473-1007.html>
- VnFeedNews. (2022). Annual report on Vietnam's animal feed market in 2022 and outlook for 2023. *VnFeedNews*. <https://www.vnfeednews.com/>